

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHẤT LƯỢNG CAO
NGÀNH: KẾ TOÁN
MÃ SỐ: 7340301

(Ban hành theo Quyết định số 2336/QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 08 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kế toán
 - + Tiếng Anh: Accounting
- Mã số ngành đào tạo: 7340301
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Accounting (Honors Program)
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân CLC Kế toán đào tạo cử nhân chất lượng cao trong lĩnh vực Kế toán ở cấp độ nâng cao và chuyên sâu hơn so với CTĐT chuẩn, bao gồm năng lực tác nghiệp, phân tích và hoạch định, ra quyết định cũng như tổ chức thực hiện các hoạt động kế toán, kiểm toán, phân tích ở các doanh nghiệp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính và các tổ chức khác; có khả năng nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao ở trong nước trong lĩnh vực Kế toán và các lĩnh vực liên quan khác.

Ngoài ra, sinh viên cũng được rèn luyện và tích lũy các kỹ năng như:

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn, học tập, nghiên cứu;
- Có các kỹ năng bổ trợ cần thiết để có khả năng thích nghi và phát triển sự nghiệp trong những môi trường làm việc khác nhau ở trong và ngoài nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia;
- Tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh chính thức sẽ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN;

3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo của Trường và chỉ tiêu do ĐHQGHN phê duyệt.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

Kiến thức thực tế và lý thuyết rộng trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo CLC Kế toán có kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật của nghề nghiệp và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; Kiến thức cơ bản về chính trị; văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn; Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo và có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

1.1. Kiến thức chung

- *Kiến thức về lý luận chính trị*
 - Hiểu và vận dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.
- *Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường*
 - Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống;
 - Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.
- *Kiến thức về tin học*

- Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên internet; khai thác được các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể;

- Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.

- **Kiến thức về ngoại ngữ**

- Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp;

- Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề cụ thể;

- Vận dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.

- **Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh**

- Hiểu nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường;

- Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe.

1.2.Kiến thức theo lĩnh vực

- Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;

- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.3.Kiến thức theo khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế;

- Vận dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc;

- Vận dụng phương pháp toán kinh tế để phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán nói riêng;

- Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao về Nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế;

- Vận dụng phương pháp nghiên cứu kinh tế cơ bản và nâng cao, bao gồm thu thập, xử lý thông tin và tổng hợp số liệu, dữ liệu;

- Áp dụng được các nguyên lý cơ bản và nâng cao về lý thuyết kinh tế - tiền tệ - ngân hàng như: hoạt động của hệ thống ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ở trong một quốc gia và quốc tế ở cấp độ nâng cao và xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, trang bị phương pháp phân tích thi trường, hình thành tư duy thực tiễn về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả ở môi trường trong nước và quốc tế thông qua việc học và nghiên cứu bằng tiếng Anh;

- Vận dụng được các nguyên lý cơ bản về kế toán để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kiến thức nâng cao vào việc xử lý bài tập tình huống thực tiễn, phân tích, mô tả và lập các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp;

- Vận dụng được các nguyên tắc kế toán vào quá trình kinh doanh chủ yếu của các tổ chức kinh tế nói chung và các loại hình doanh nghiệp đặc thù hoạt động ở môi trường trong nước và quốc tế;

- Vận dụng được các nguyên tắc marketing vào quá trình xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường tiếp cận đến cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.5. Kiến thức ngành

- Có khả năng hiểu, vận dụng các khái niệm cụ thể có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kinh doanh, kế toán, kiểm toán để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

- Có khả năng phân tích và đánh giá ứng dụng kiến thức ngành vực kế toán - kiểm toán để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống kế toán, phân tích, kiểm toán trong các doanh nghiệp hay các cơ sở tương tự;

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai tại Việt Nam và khu vực;

- Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận đến các tài liệu bắt buộc và tham khảo đạt chuẩn quốc tế bằng tiếng Anh, hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu trước mắt cũng như việc đi thực tập thực tế, học tập ở các bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục quốc tế ở trong nước và nước ngoài;

- Có năng lực kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác để từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2. Về kỹ năng

Sinh viên kế toán CLC sẽ đảm bảo kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng; kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi của ngành, nghề đào tạo; kỹ năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng; kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; Có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trên cơ sở đó, các kỹ năng chuyên môn cần đạt được bao gồm:

2.1. Kỹ năng chuyên môn

• Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của lĩnh vực kế toán - kiểm toán trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán, có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy cấp độ doanh nghiệp hoặc tương đương;

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- *Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng lập luận, phân tích nâng cao và chuyên sâu các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán, bao gồm xử lý các nghiệp vụ kế toán thông thường của các doanh nghiệp, lập và trình bày BCTC và các báo cáo kế toán khác, phân tích và đưa ra các nhân định chuyên môn về kế toán, kiểm soát nội bộ, dự toán, dự báo,.... đưa ra những hướng giải quyết cụ thể vào các tình huống khá phức tạp và đa dạng của thực tiễn. Thực hiện các hoạt động kiểm toán ở các công ty kiểm toán hay kiểm toán nội bộ;

- Có khả năng vận dụng qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực;

- Có khả năng phân tích và tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

- Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành; trình bày được bằng tiếng Anh các vấn đề trong công việc.

- *Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Có kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán như: nghiên cứu, dự báo năng lực tài chính của doanh nghiệp, tổng hợp xử lý các thông tin kế toán, thiết kế hệ thống thông tin kế toán theo yêu cầu của doanh nghiệp, xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ, thực hiện các hoạt động kiểm toán ở các công ty kiểm toán,....;

- *Khả năng tư duy theo hệ thống:* Có khả năng lập luận, tư duy một cách sáng tạo theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

- *Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh:* Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích.

- *Bối cảnh tổ chức*

- Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;

- Biết nắm bắt văn hóa tổ chức nơi công tác;
- Biết nắm bắt chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*
 - Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức;
 - Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, công đồng, xã hội.
- *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*
 - Có năng lực sáng tạo và đáp ứng nhanh yêu cầu của thực tiễn trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức;
 - Đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- *Các kỹ năng cá nhân*
 - Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân;
 - Có tư duy sáng tạo, duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến.
- *Làm việc theo nhóm*
 - Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả;
 - Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;
 - Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm;
 - Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.
- *Quản lý và lãnh đạo*

Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; Kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện;

- *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;
- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail);
- Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện.

- *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành tài chính ngân hàng có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;
- Trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Đương đầu với thách thức, rủi ro;
- Thích nghi đa văn hóa;
- Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng;

Ngoài chuẩn đầu ra về kiến thức, chuẩn đầu ra về kỹ năng của sinh viên chương trình CLC Kế toán được yêu cầu cao hơn chương trình đào tạo chuẩn. Bên cạnh việc vận dụng được các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán để bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp, sinh viên chương trình CLC phải biết chủ động tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp và khai thác được các thông tin trong lĩnh vực kế toán.

Với chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn hệ chuẩn, sinh viên chương trình CLC hoàn toàn chủ động trong việc nghiên cứu tài liệu chuyên ngành, khai thác thông tin, lập luận và trình bày các vấn đề trong công việc bằng tiếng Anh để làm chủ kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tuyển dụng trong và ngoài nước;

Số tín chỉ của khung chương trình CLC nhiều hơn số tín chỉ của chương trình đào tạo chuẩn 15 tín chỉ, cùng với thời lượng thực tập thực tế nhiều hơn so với hệ chuẩn sẽ giúp sinh viên chương trình CLC ngành Kế toán có kỹ năng lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực hiệu quả. Các chương trình kiến tập và thực tập thực tế tạo điều kiện cho sinh viên chương trình CLC tiếp cận sớm hơn với các môi trường và văn hóa làm việc đa dạng, từ đó hình thành cho sinh viên tư duy sáng tạo và nhạy bén hơn trong việc giải quyết công việc trong thực tế và đưa ra các sáng kiến công việc.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên chất lượng cao chuyên ngành kế toán sau khi hoàn thành chương trình sẽ đạt được các chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm như: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm được cụ thể hóa như sau:

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường đa văn hóa;
- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;
- Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong tổ chức ở quy mô trung bình.

4. Về phẩm chất đạo đức

• *Phẩm chất đạo đức cá nhân*: Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn...;

• *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: trung thực, có trách nhiệm, chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình, chủ động khám phá kiến thức và cập nhật thông tin liên quan đến nghề nghiệp;

- Có khả năng thích nghi với môi trường công tác.

• *Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao;

- Có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên CLC Kế toán có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN hướng tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán hướng tới chuẩn quốc tế. Vì thế, chương trình cử nhân CLC Kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là sinh viên CLC kế toán sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyên ngành được đào tạo, các sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân CLC ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1: Kế toán viên, chuyên viên thuế, chuyên viên tài chính thực hiện các hoạt động kế toán riêng lẻ hoặc tổng hợp tại các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, các định chế tài chính, các cơ quan hành chính - đơn vị sự nghiệp ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai;

Nhóm 2: Trợ lý kiểm toán, nhân viên phân tích tại các công ty kiểm toán hoặc các bộ phận kiểm toán nội bộ trong các đơn vị; cán bộ hành nghề dịch vụ kế toán.

Nhóm 3: Nhân viên, chuyên gia phân tích và tư vấn về kế toán thuế, tài chính tại các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tài chính cho các tổ chức, doanh nghiệp;

Nhóm 4: Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về kế toán - kiểm toán làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy từ trong quá trình học, sinh viên chương trình đào tạo cử nhân CLC Kế toán sau khi ra trường có khả năng tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể mà mỗi sinh viên đảm nhận tại đơn vị được tuyển dụng.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có khả năng tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà học viên theo đuổi.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính - ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	142	tín chỉ
• Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: (<i>Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ</i>)	21	tín chỉ
• Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	13	tín chỉ
• Khối kiến thức chung theo khối ngành:	18	tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>17</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/8</i>	<i>tín chỉ</i>
• Khối kiến thức chung theo nhóm ngành:	21	tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>15</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/12</i>	<i>tín chỉ</i>
• Khối kiến thức ngành:	69	tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>30</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>24/54</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập, thực tế, niên luận:</i>	<i>8</i>	<i>tín chỉ</i>
+ <i>Khóa luận:</i>	<i>7</i>	<i>tín chỉ</i>

Trong số 108 tín chỉ thuộc khối kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành có 25 tín chỉ bắt buộc và 15 tín chỉ tự chọn học bằng Tiếng Anh, tương ứng tỷ lệ 23,1% và 13,9%.

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (Không tính tín chỉ các học phần 8-9)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Philosophy of Marxism - Leninism</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin <i>Political economy of Marx – Lenin</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	30	0	0	
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	0	
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	35	20	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực		13				
10	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Advanced Mathematics</i>					
11	MAT1101	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	MAT1092
12	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	BSA1053
13	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		18				
III.1	Bắt buộc		14				
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	7		
15	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	30	15	0	
16	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	30	15	0	INE1050
17	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of Economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1101
18	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	24	21		INT1004 BSA1053 INE1051
III.2	Tự chọn		4/8				
19	BSA1054	Kỹ năng làm việc theo nhóm <i>Teamwork Skills</i>	2	15	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	PEC1052	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese History</i>	2	20	10	0	
21	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World Civilization History</i>	2	22	7	1	
22	PHI1051	Logic học <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV	Khối kiến thức chung theo nhóm ngành		21				
IV.1	Bắt buộc		15				
23	BSA3063	Luật doanh nghiệp*** <i>Business Law</i>	3	20	20	5	
24	FIB2001	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng <i>(Money and Banking Economics)</i>	3	27	18		INE1051
24	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Management Administration</i>	3	27	18	0	
26	BSA2001	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	27	18	0	
27	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	25	20		BSA 2001
IV.2	Tự chọn		6/12				
28	BSA2002	Nguyên lý Marketing* <i>Principles of Marketing</i>	3	22	23	0	
29	BSA4018	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh <i>Corporate Culture and Business</i>	3	25	20	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Ethics</i>					
30	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	32	13	0	INE1051
31	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế <i>Economic Research Methodology</i>	3	30	15	0	INE1051
V	Khối kiến thức ngành		69				
<i>V.1</i>	<i>Bắt buộc</i>		<i>30</i>				
32	<i>FAA4001</i>	Kế toán tài chính doanh nghiệp *** <i>Corporate Financial Accounting</i>	4	42	18	0	
33	<i>FAA4002</i>	Kế toán quản trị doanh nghiệp *** <i>Corporate Management Accounting</i>	4	42	18	0	<i>BSA 2001</i>
34	FAA4011	Thực hành kế toán 1*** <i>Accounting Practice 1</i>	3	15	30	0	<i>FAA4001</i>
35	FAA4012	Thực hành kế toán 2*** <i>Accounting Practice 2</i>	2	10	20		FAA4011
36	<i>FAA4003</i>	Kiểm toán *** <i>Auditing</i>	4	42	18	0	
37	<i>FAA4004</i>	Kiểm toán nội bộ *** <i>Internal Auditing</i>	3	22	23	0	
38	<i>BSA2016</i>	Phân tích hoạt động kinh doanh *** <i>Business Analysis</i>	3	22	23	0	<i>BSA2001</i>

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
39	FIB2015	Thuế <i>Tax</i>	3	30	15	0	INE1050
40	FAA4006	Tài chính và kế toán trong kinh doanh*** <i>Business Finance and Accounting</i>	4	40	20	0	
V.2	Tự chọn		24/54				
41	FIB3015	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	24	21	0	BSA2018
42	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	30	15	0	BSA2018
43	FAA4007	Quản lý hiệu quả hoạt động*** <i>Performance Management</i>	3	25	20	0	FAA4002
44	BSA3008	Kế toán thuế <i>Tax Accounting</i>	3	20	25	0	BSA2001
45	FIB3119	Kế toán công <i>Accounting in public sector</i>	3	20	25	0	BSA2001
46	FIB3037	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Accounting in Commercial Banks</i>	3	20	25	0	FIB2001, BSA2001
47	FAA4008	Kế toán các ngành đặc thù*** <i>Accounting in specialized sectors</i>	3	20	25	0	FAA4001
48	FIB3009	Hệ thống thông tin kế toán <i>Accounting Information Systems</i>	3	27	18	0	BSA2001
49	FIB4058	Những vấn đề hiện tại của kế toán	3	22	23	0	BSA2001

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Contemporary Issues in Accounting</i>					
50	INE3041	Hạch toán môi trường <i>Environmental Accounting</i>	3	27	18	0	INE1050
51	FIB3021	Kiểm toán tài chính <i>Financial Auditing</i>	3	30	15	0	FAA4003
52	FIB3050	Kiểm toán dự án <i>Project Audit</i>	3	20	25	0	FAA4003
53	FAA4009	<i>Luật Vương Quốc Anh****</i> <i>Law of United Kingdom</i>	3	25	20	0	
54	FAA4010	<i>Thuế Vương Quốc Anh****</i> <i>Principles of Taxation in United Kingdom</i>	3	25	20	0	
55	INE3106	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	30	15	0	INE1051
56	FIB2036	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	30	15	0	BSA2018
57	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3	27	15	3	
58	BSA3115	Marketing điện tử <i>E-Marketing</i>	3	35	10	0	BSA2002
<i>Thực tập, thực tế và khóa luận tốt nghiệp</i>			15				
59	FAA4052	Thực tập thực tế****	4	20	40		
60	FAA4060	Niên luận** (<i>Essay</i>)	4	20	40		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
61	FAA4156	Khoá luận tốt nghiệp** (<i>Graduation Thesis</i>)	7	30	75		
		Tổng cộng	142				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.

(*) Là học phần cùng tên học phần, cùng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với hệ chuẩn.

(**) Là học phần cùng tên học phần nhưng tăng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với hệ chuẩn.

(***) Là học phần mới nhằm đạt chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đào tạo chuẩn.

Các học phần được in đậm, nghiêng: Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.